| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN K**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**<br>Số 68/2024/QĐST-DS | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

*Huyện K, ngày 31 tháng 05 năm 2024*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 05 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 155/2023/TLST-DS ngày 12/12/2023, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn*:

Ngân hàng A (A1);

Trụ sở chính: Tầng A2, Văn phòng số A3 Toà nhà A4, số A5 A6, phường A7, Quận A8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của A1 là:

Ông Nguyễn Cảnh A9; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền của A1 là:

Công ty B – Ngân hàng A (A1 AMC);

Trụ sở chính: B1 B2, phường B3, Quận B4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo văn bản ủy quyền số 02/2018/HĐUQ/EIB-AMC ngày 17/09/2018 của A1.

Người đại diện theo pháp luật của A1 AMC là:

Ông Đỗ Mạnh B5; chức vụ: Chủ tịch Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của A1 AMC là:

Ông Nguyễn Hồng B6; chức vụ: Giám đốc Chi nhánh A1 AMC tại Hà Nội.

Theo văn bản ủy quyền số 34/2024/EIBA/UQ- CT ngày 26/04/2024 của A1 AMC.

Người đại diện theo ủy quyền lại của A1 AMC là:

1. Bà Lê Quỳnh A10; chức vụ: Cán bộ Tổ Xử lý nợ và QLKTTS Khu vực Miền Bắc;

2. Ông Nguyễn Duy A11; chức vụ: Cán bộ Tổ Xử lý nợ và QLKTTS Khu vực Miền Bắc;

Địa chỉ: Số B7 B8, phường B8, quận B9, thành phố Hà Nội.

Theo văn bản ủy quyền số 10/2024/EIBAHN/UQ-GĐ ngày 13/05/2024 của A1 AMC.

*Bị đơn*:

1. Ông Lê Hồng C, sinh năm 1976;
2. Bà Trần Thị Thanh C1, sinh năm 1981;

Cùng trú tại: Tổ dân phố C2 C3, xã C3, huyện K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hồng C là:

Bà Trần Thị Thanh C1, sinh năm 1981;

Theo văn bản ủy quyền ngày 26/04/2024.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Lê Trần Minh C4, sinh năm 2005 (là con của ông C và bà C1);
2. Cháu Lê Nguyễn An C5, sinh năm 2012 (là con của ông C và bà C1);

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Nguyễn An C5 là ông Lê Hồng C, bà Trần Thị Thanh C1.

Cùng trú tại: Tổ dân phố C2 C3, xã C3, huyện K, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng tín dụng từng lần 1702-LAV–201100586 ngày 02/12/2012, Phụ lục kèm theo, Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 07/05/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 7127.2011/HĐTC; quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 22/11/2011 tại Phòng công chứng số 6 thành phố Hà Nội được giao kết giữa Ngân hàng A (A1), Chi nhánh Hai Bà Trưng với ông Lê Hồng C và vợ là vợ là bà Trần Thị Thanh C1 là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù

hợp quy định pháp luật có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

2.2. Cách tính lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí được quy định trong Hợp đồng tín dụng từng lần 1702-LAV–201100586 ngày 02/12/2012, Phụ lục kèm theo, Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 07/05/2012, Biểu phí so với các Quyết định/Thông báo điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A là đúng theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng bắt buộc đối với các bên tham gia giao kết.

2.3. Các bên xác nhận tạm tính đến hết ngày 22/05/2024, ông Lê Hồng C còn nợ Ngân hàng A (A1) tổng số tiền là 1.102.637.250 đồng, trong đó: Nợ gốc theo hợp đồng tín dụng từng lần là: 450.893.127 đồng; nợ lãi trong hạn theo hợp đồng tín dụng từng lần là: 346.489.173 đồng; nợ lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng từng lần là: 303.375.410 đồng và nợ thẻ tín dụng (lãi và phí) là: 1.879.540 đồng.

2.4. Xác nhận ông Lê Hồng C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A (A1) toàn bộ tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 22/05/2024 là 1.102.637.250 đồng, trong đó: Nợ gốc theo hợp đồng tín dụng từng lần là: 450.893.127 đồng; nợ lãi trong hạn theo hợp đồng tín dụng từng lần là: 346.489.173 đồng; nợ lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng từng lần là: 303.375.410 đồng và nợ thẻ tín dụng (lãi và phí) là: 1.879.540 đồng.

Kể từ ngày 23/05/2024 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ, ông Lê Hồng C còn phải chịu các khoản lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần 1702-LAV–201100586 ngày 02/12/2012 và Phụ lục kèm theo. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và Phụ lục kèm theo nói trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Ngân hàng cho vay.

2.5. Trường hợp ông Lê Hồng C thanh toán hết toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng A (A1) có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất thế chấp cho ông Lê Hồng C và bà Trần Thị Thanh C1 và làm thủ tục giải chấp ngay.

2.6. Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến hết ngày 20/08/2024 mà ông Lê Hồng C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày vi phạm nghĩa vụ, Ngân hàng A (A1) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng là: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ Căn hộ 03, Nhà B17, TT NM C2 C3, xã C3 – huyện K, Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số

10119055047, hồ sơ gốc số 2536.2001.QĐUB/23206.2001 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 07/02/2001, đã đăng ký chuyển nhượng cho ông Lê Hồng C và vợ là bà Trần Thị Thanh C1 do Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chứng nhận ngày 04/08/2009. Việc thế chấp được thực hiện bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 7127.2011/HĐTC; quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 22/11/2011 tại Phòng công chứng số 6 thành phố Hà Nội giữa A1 với ông Lê Hồng C và vợ là bà Trần Thị Thanh C1. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K ngày 25/11/2011 theo quy định của pháp luật. Diện tích đất và công trình xây dựng trên đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ phải di chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng A (A1) thì ông Lê Hồng C có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng A (A1).

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền ông Lê Hồng C phải trả cho Ngân hàng A (A1) thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả cho ông Lê Hồng C và bà Trần Thị Thanh C1.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Hồng C tự nguyện chịu 22.539.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Hoàn trả Ngân hàng A 25.791.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng A đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003852 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THẨM PHÁN**

**<u>Nơi nhận</u>:**
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Như Trọng**